TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 532/2023/DS-PT
Ngày 07 tháng 8 năm 2023
V/v Chia tài sản chung của hộ gia đình; Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 20 về "Chia tài sản chung của hộ gia đình; Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hủy quyết định cá biệt".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1667/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Anh Huỳnh Hùng Minh H, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: A ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: D L, ấp C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn**: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1948 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: A ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1944 (chết năm 2016);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S:

+ Bà Võ Thị T1, sinh năm 1948 (vắng mặt);

+ Anh Huỳnh Hùng Minh P, sinh năm 1971 (vắng mặt);

+ Chị Huỳnh Thùy S1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

+ Anh Huỳnh Hùng Minh T2, sinh năm 1972 (vắng mặt);

+ Anh Huỳnh Hùng Minh N, sinh năm 1973 (vắng mặt);

+ Anh Huỳnh Hùng Minh S2, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: A ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Huỳnh Thị Lệ C, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: H - S, Nhật Bản.

+ Chị Huỳnh Thùy Ngọc T3, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: 1 L, phường T, quận B, TP ..

Đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh P, chị S1, anh T2, anh N, anh S2, chị C, chị T3: anh Huỳnh Hùng Minh H, sinh năm 1978 (có mặt).

2. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1948 (vắng mặt);

3. Anh Huỳnh Hùng Minh P, sinh năm 1971 (vắng mặt);

4. Chị Huỳnh Thùy S1, sinh năm 1967 (vắng mặt);

5. Anh Huỳnh Hùng Minh T2, sinh năm 1972 (vắng mặt);

6. Anh Huỳnh Hùng Minh N, sinh năm 1973 (vắng mặt);

7. Anh Huỳnh Hùng Minh S2, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: A ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

8. Chị Huỳnh Thị Lệ C, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Địa chỉ: H - S, Nhật Bản.

9. Chị Huỳnh Thùy Ngọc T3, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: 1 L, phường T, quận B, TP ..

Đại diện theo ủy quyền của bà T1, anh P, chị S1, anh T2, anh N, anh S2, chị C, chị T3: anh Huỳnh Hùng Minh H, sinh năm 1978 (có mặt).

10. Ông Đinh Văn H2 (L), sinh năm 1964 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X (Ông N), xã T, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

11. Bà Đinh Thị Thanh H3, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

12. Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1967 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

13. Bà Võ Thị Hồng L2, sinh năm 1963, (có mặt); Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

14. Ủy ban nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang, (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số A, đường T, phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Giản Bá H4, Chức vụ: Chủ tịch (xin vắng mặt).

15. Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số I, đường N, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn S3. Chức vụ: Chủ tịch.

16. Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, xin vắng mặt);

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T4. Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- **Người kháng cáo:** Nguyên đơn là anh Huỳnh Hùng Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - anh Huỳnh Hùng Minh H và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào năm 1997, bà nội của anh Huỳnh Hùng Minh H là cụ Huỳnh Thị K đứng tên chủ hộ khẩu, được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00167/QSDĐ ngày 07/9/1997, diện tích đất được cấp là 11.482 m^2 tọa lạc ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; tờ bản đồ M1; gồm các thửa đất số 1481, 1484, 1489, 1993, 1495, 1528 trong đó gồm 890m” đất thổ, còn lại là đất lúa, ao.

Tại thời điểm bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ có bà Huỳnh Thị K (chủ hộ) và 09 nhân khẩu (đủ 18 tuổi trở lên) gồm: Huỳnh Văn S, Võ Thị T1, Huỳnh Hùng Minh H, Huỳnh Hùng Minh P, Huỳnh

Thùy S1, Huỳnh Hùng Minh T2, Huỳnh Hùng Minh N, Huỳnh Hùng Minh S2, Huỳnh Thùy Lệ C1.

Năm 2008, bà K chết, sau đó bà Huỳnh Thị T (cô ruột anh H) đưa ra "Tờ di chúc" của bà Huỳnh Thị K lập ngày 18/11/2007 có 05 người làm chứng. Trên cơ sở đó bà T tiến hành chia di sản thừa kế của bà K theo di chúc nói trên đối với toàn bộ phần đất cho ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh Thị T và bà Huỳnh Thị H5 (bà H5 chết năm 2010, có 03 người con là Đinh Văn H2, Đinh Thị Thanh H3, Đinh Thị L1) và mọi người đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia.

Tuy nhiên, theo quy định pháp luật, tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì những người trong hộ đủ 18 tuổi trở lên được hưởng phần đất được cấp bằng nhau. Do đó việc bà K lập di chúc định đoạt toàn bộ phần đất và việc bà T dựa trên di chúc ngày 28/11/2007 để chia di sản thừa kế là trái pháp luật vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà K chứ không phải cấp cho cá nhân bà K. Như vậy, phần đất bà K được hưởng là 1275,77m^2 trong tổng số 11.482m^2 (trong đó có 98,88m^2 là đất thổ, số còn lại là đất nông nghiệp) chứ không phải toàn bộ phần đất 11482m^2 là của bà K. Trong trường hợp đất được cấp cho hộ nếu có người trong hộ chết thì chỉ có phần đất thổ được chia cho các hàng thừa kế; còn đất nông nghiệp sẽ được những người trong hộ tiếp tục sử dụng chứ không chia thừa kế. Cho nên phần di sản bà K để lại chỉ có 98,88m" đất thổ thuộc thửa 1493, tờ bản đồ số M1 tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Nay ông H khởi kiện yêu cầu:

1. Được chia phần đất có diện tích 1.148,2m^2 trong toàn bộ diện tích 11.482m của 06 thửa đất số 1481, 1984, 1989, 1422, 1495, 1528 (trong đó có 89 m2 đất thổ).

2. Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 425, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 06/11/2008 giữa bà Huỳnh Thị H5, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn S được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang_chứng thực.

3. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO8013V-BĐ ngày 19/11/2008 do UBND thị xã G cấp cho bà Huỳnh Thị T đối với thửa đất số 28708.71.2606, tờ bản đồ M1, diện tích 200m tọa lạc tại xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08014V-BĐ ngày 19/11/2008 do UBND thị xã G cấp cho bà Huỳnh Thị T đối với thửa đất số 28708.M1.1493, tờ bản đồ M1, diện tích 890m^2 tọa lạc tại xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08012V-BĐ ngày 19/11/2008 do UBND thị xã G cấp cho bà Huỳnh Thị T đối với thửa đất số 28708.71.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 697,9m" tọa lạc tại xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08015V-BĐ ngày 19/11/2008 do UBND thị xã G cấp cho bà Huỳnh Thị T đối với thửa đất số 28708.M1.2607, tờ bản đồ M1, diện tích 2.423m^2 tọa lạc tại xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

4. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 357, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/7/2011 được ký giữa bà Huỳnh Thị T và bà Võ Thị Hồng L2 đối với thửa đất số 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, tọa lạc tại xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn - bà Huỳnh Thị T trình bày:

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, lý do phần đất tranh chấp là do bà Huỳnh Thị K tạo lập trước năm 1975, sau năm 1975 bà K đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi đăng ký bà K đăng ký với tư cách cá nhân.

Vào năm 2008, bà K mất để lại di chúc nhưng sau đó ông S, bà H5, bà T đã lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế như sau: chia cho bà H5 345,5 m2; chia cho ông S 6.925,5 mo; chia cho bà T 4.210,9 mo. Hiện nay, ông S, bà T, bà H5 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sử dụng đất, bà H5 đã chuyển nhượng 275,7 m cho bà Võ Thị T1 và đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Còn bà T đã làm hợp đồng chuyển nhượng 520,9m cho bà Võ Thị Hồng L2 và đã nhận đủ tiền chuyển nhượng, đã công chứng hợp đồng theo quy định nhưng chưa giao đất cho bà L2 vì có sự tranh chấp của hộ gia đình ông H.

Đối với phần đất mà bà T đã bán cho bà Võ Thị Hồng L2, bà T yêu cầu được hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng để bà L2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 520,9m đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thụy S4, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thị Lệ C do anh Huỳnh Hùng Minh H là đại diện ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc tài sản đang tranh chấp là do bà Huỳnh Thị K tạo lập. Trong quá trình sinh sống, gia đình anh H có công bồi thố, san lấp tạo nên phần đất hiện trạng như ngày hôm nay (từ đất ao, ruộng thành đất mặt bằng).

Sau khi bà K mất, bà Huỳnh Thị T có đưa ra tờ di chúc của bà K để phân chia di sản thừa kế. Khi đó, các con của bà K gồm ông Huỳnh Văn S, bà Huỳnh

Thị T, bà Huỳnh Thị H5 có ra UBND xã B để tiến hành phân chia tài sản lại, sau đó bà T giữ tờ di chúc cho đến nay, còn việc anh H cung cấp được bản sao tờ di chúc là do khi ông S ra UBND xã B để tiến hành phân chia tài sản thì Uỷ ban đưa lại cho ông S 02 bản sao tờ di chúc.

Việc bà K tự ý lập di chúc định đoạt tài sản của hộ gia đình và việc ông S, bà H5 và bà T tự ý phân chia di sản thừa kế để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái với quy định của pháp luật, do đất được cấp cho hộ bà Huỳnh Thị K nên các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm cấp đất điều có quyền định đoạt, sử dụng đất.

Nay các ông bà Võ Thị T1, Huỳnh Hùng Minh P, Huỳnh Thùy S1; Huỳnh Hùng Minh T2, Huỳnh Hùng Minh N, Huỳnh Hùng Minh S2, Huỳnh Thị Lệ C khởi kiện yêu cầu độc lập như sau: Yêu cầu được chia theo phần của hộ gia đình được cấp nhưng do bà T đứng tên mỗi người với diện tích đất là 691,58m^2 theo bản vẽ phân chia phần đất và giao cho ông H đứng tên phần này. Còn phần đất do ông S đứng tên thửa 1528, tờ bản đồ M1 thì không yêu cầu hủy giấy chủ quyền, nhưng vẫn giao cho ông H quản lý cho mọi người.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Huỳnh Thùy Ngọc T3 trình bày:

Không có ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và có đơn xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đinh Thị Thanh H3, ông Đinh Văn H2 (Lưỡng), bà Đinh Thị L1 trình bày:

Không có ý kiến gì trong vụ việc này và xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Võ Thị Hồng L2 trình bày:

Bà L2 có nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị T phần đất diện tích 520,9m2, thửa số 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, tọa lạc tại xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang vào năm 2011 với giá thực tế là 700.000.000 đồng. Hai bên có làm hợp đồng chuyển nhượng, có công chứng, chứng thực. Bà đã giao đủ tiền cho bà T nhưng chưa được nhận đất thì xảy ra tranh chấp.

Nay bà yêu cầu được tiếp tục làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất đã nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị T theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân thị xã G không có ý kiến về nội dung vụ án và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện G trình bày:

Theo Biên bản số 101/TNMT ngày 27/3/2008 của Phòng T6 huyện về việc bàn giao hồ sơ đất đai cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T6 thì hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu vào thời điểm trước năm 2002 (trong đó có hồ sơ cấp Giấy chứng nhận năm 1997 của hộ bà Huỳnh Thị K), phòng T6 huyện đã bàn giao cho Trung tâm thông tin lưu trữ tỉnh quản lý (nay là Trung tâm C2 thuộc Sở T7). Được biết hiện nay hồ sơ này đã chuyển giao về Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lưu trữ. Do không có lưu trữ hồ sơ này nên Ủy ban nhân dân huyện không có cơ sở xem xét cho ý kiến đối với phần đất đang tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân xã B trình bày:

Qua xác minh thực tế trên địa bàn, Ủy ban nhân dân xã B cung cấp thông tin theo nội dung yêu cầu của Tòa án như sau:

Các thửa đất số 1481, 1484, 1989, 1993, 1528, tờ bản đồ M1, diện tích 11.482m", tọa lạc ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Huỳnh Thị K thì vào năm 1984 được Nhà nước vận động đưa vào tập đoàn sản xuất tập trung theo chủ trương chung, đến khoảng năm 1988 thì tập đoàn giải thể, các phần đất nêu trên được trả lại cho gia đình bà Huỳnh Thị K tiếp tục quản lý sử dụng (biên bản xác minh kèm theo). Năm 1997, hộ bà K đã đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00107/QSDĐ ngày 07 tháng 9 năm 1997, hình thức sử dụng là cấp cho hộ bà Huỳnh Thị K, ngụ ấp M, xã B, huyện G (nay là thị xã G), tỉnh Tiền Giang.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2013/DS-ST ngày 18/9/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định: (Lần 1)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Hùng Minh H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Huỳnh Văn S, bà Võ Thị T1, Huỳnh Hùng Minh P, Huỳnh Thùy S1, Huỳnh Hùng Minh T2, Huỳnh Hùng Minh N, Huỳnh Hùng Minh S2, Huỳnh Thùy Lệ C1 kiện bà Huỳnh Thị T "Chia tài sản chung của hộ gia đình".

Sau khi xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, anh H, anh T2, chị S1, anh P, bà T1, anh S2, anh N có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 56/2014/DS-PT ngày 17 tháng 3 năm 2014, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 35/2013/DSST ngày 18/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án.

Bản án dân sự phúc thẩm nhận định:

Cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ cơ sở nào để Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà K; những người có tên trong hộ gia đình bà K có ai canh tác trên đất này, ai không tham gia canh tác, để từ đó có cơ sở xác định đây là đất cấp cho hộ gia đình bà K hay chỉ cấp cho bà K sử dụng, mà lại vận dụng điều luật một cách máy móc để bác yêu cầu của nguyên đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là chưa thỏa đáng.

Ngoài ra, nguyên đơn còn khai đất này trước đây đã được đưa vào hợp tác xã nông nghiệp và ngoài căn nhà của bà K ra còn có 03 căn nhà khác của các thành viên trong hộ gia đình nhưng cấp sơ thẩm cũng chưa điều tra, xác minh xem có đúng như vậy hay không mà lại cho rằng đây là tài sản riêng của bà K, đã được các đồng thừa kế của bà K thỏa thuận định đoạt xong để bác yêu cầu của nguyên đơn cũng như yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng, trái ý chí của cơ quan Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với các thửa đất nêu trên, không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đường sự. Những sai sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 40/2016/DSST ngày 19/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định: (Lần 2)

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hùng Minh H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn S, bà Võ Thị T1, ông Huỳnh Hùng Minh P, bà Huỳnh Thủy S5, ông Huỳnh Hùng Minh T2, ông Huỳnh Hùng Minh N, ông Huỳnh Hùng Minh S2, bà Huỳnh Thùy Lệ C1 đòi bà Huỳnh Thị T chia tài sản chung của hộ gia đình.

Sau khi xét xử sơ thẩm lần hai, anh H, anh T2, chị S5, anh P, bà T1, anh S2, anh N tiếp tục có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 86/2017/DS-PT ngày 25/5/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 40/2016/DSST ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại vụ án

Bản án dân sự phúc thẩm nhận định:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định vợ, con của ông Huỳnh Văn S (chết) tham gia tố tụng với hai tư cách vừa là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông S, vừa là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng thủ tục, bởi vì một đương sự chỉ có thể tham gia tố tụng với một tư cách: hoặc là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự đã chết, hoặc là người tham gia tố tụng với tư cách nào đó mà họ đã tham gia từ trước đó.

Tòa án cấp sơ thẩm cần thu thập toàn bộ hồ sơ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị K1; thu thập tài liệu và xác minh tại cơ quan quản lý nhà nước về đất đai tại địa phương về nguồn gốc đất tranh chấp, để từ đó có căn cứ xác định rằng quyền sử dụng đất được cấp cho cá nhân bà Huỳnh Thị K hay cấp cho hộ bà Huỳnh Thị K, hộ gia đình tại thời điểm cấp đất gồm có những ai, bởi vì theo quy định của pháp luật đất đai những người có tên trong hộ gia đình sẽ có quyền lợi đối với phần đất cấp chung cho hộ gia đình của họ.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định về sự tồn tại và đánh giá về giá trị pháp lý của bản di chúc do bà Huỳnh Thị K lập vào ngày 28/11/2007, chưa lấy lời khai của những người làm chứng cùng ký tên trong di chúc (gồm có 05 người là Nguyễn Thị M, Võ Thị Hồng L2, Võ Thị Đ, Đinh Thị N1, Nguyễn Thị Kim E), nhưng đã xét xử không chấp nhận yêu cầu của vợ và những người con của ông Huỳnh Văn S, là chưa có căn cứ pháp lý vững chắc.

Như vậy, việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa có căn cứ pháp lý vững chắc do chưa thực hiện đầy đủ việc thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 09/11/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định: (Lần 3)

Căn cứ khoản 2, khoản 2 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 108, Điều 688, Điều 697, 698, 733 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 136 Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Hùng Minh H về việc:

- Yêu cầu chia tài sản chung của hộ là 1.148m đất trong tổng số 11.482m^2 đất thuộc các thửa 1481, 1484, 1489, 1993, 1495 và 1528, tờ bản đồ M1, tại địa chỉ ấp M, xã B, huyện G (nay là Thị xã G), tỉnh Tiền Giang;

-Yêu cầu hủy "Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế" số 425, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 06/11/2008 giữa bà Huỳnh Thị H5, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn S, được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang chứng thực.

- Yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho bà Huỳnh Thị T, gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08013V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.71.2606, tờ bản đồ M1, diện tích 200m^2 tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08014V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.1493, tờ bản đồ M1, diện tích 890m tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08012V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 697,9m" tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08015V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.2607, tờ bản đồ M1, diện tích 2423m" tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 357, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐND ngày 28/7/2011 được ký giữa bà Huỳnh Thị T và bà Võ Thị Hồng L2 đối với thửa đất số 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 520,9m" tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/- Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn S, bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thủy S5, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy Lệ C1 về việc:

- Yêu cầu chia theo phần của hộ gia đình được cấp đất với diện tích đất chia cho mỗi người là 691,58m^2 trong tổng số 11.482m^2 đất thuộc các thửa 1481, 1484, 1489, 1493, 1495 và 1528, tờ bản đồ M1, tại ấp M, xã B, huyện G (nay là Thị xã G), tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/11/2021, nguyên đơn là anh Huỳnh Hùng Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh

Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh Huỳnh Hùng M1 Hiệp đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị T1 và các anh chị Huỳnh Thùy S1, Huỳnh Hùng Minh P, Huỳnh Hùng Minh N, Huỳnh Hùng Minh T2, Huỳnh Hùng Minh S2, Huỳnh Thùy Lệ C1, Huỳnh Thùy Ngọc T3 trình bày: Lúc còn sống, vợ chồng cụ K có tạo lập được 11.482m^2 đất (đo đạc thực tế là 10.828,1m^2) gồm các thửa 1481, 1484, 1989, 1993, 1495 và 1528, tờ bản đồ M1, tọa lạc tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Cụ K là người kê khai theo sổ mục kê 299. Anh H thống nhất vị trí, ranh giới, số liệu đo đạc và giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả Tòa án cấp sơ thẩm thu thập là chính xác và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo tài liệu chứng cứ này, không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Năm 1984, các thửa đất trên được Nhà nước vận động đưa vào tập đoàn sản xuất theo chủ trương chung, đến khoảng năm 1988 thì tập đoàn giải thể, trả đất lại cho gia đình cụ Huỳnh Thị K, nói cách khác là Tập đoàn giao lại cho các thành viên trong hộ của cụ K khi đó đang trực tiếp canh tác trên đất. Khi đó nếu không có cha, mẹ và anh chị em anh H canh tác trên đất, có tên trong hộ khẩu thì đất này đã trang trải cho người khác, chứ một mình cụ K không thể nhận được nhiều như vậy. Thực tế bà H5 và bà T khi lớn lên đều đi ở chỗ khác, chỉ sau khi cụ K chết thì bà T mới về ở trong căn nhà của cụ K đến nay. Năm 1997, hộ cụ K đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00167/QSDĐ ngày 07/9/1997, hình thức sử dụng là cấp cho hộ. Tại thời điểm Nhà nước trả đất và thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ Huỳnh Thị K có 11 thành viên đang cư ngụ, trực tiếp canh tác trên đất gồm: Cụ Huỳnh Thị K (chủ hộ); ông Huỳnh Văn S (con ruột cụ K), bà Võ Thị T1 (vợ ông S); anh Huỳnh Hùng Minh H, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy S1, chị Huỳnh Thị Lệ C và chị Huỳnh Thùy Ngọc T3 (là các con của ông S, bà T1). Tuy nhiên, chỉ có 10 thành viên đủ 18 tuổi trở lên, còn chị Huỳnh Thùy Ngọc T3, sinh năm 1980 chưa đủ 18 tuổi. Do đó, các thửa đất cấp cho hộ cụ K được xác định là tài sản chung của hộ gia đình gồm 10 thành viên như đã nêu trên. Tuy nhiên, sau khi cụ K chết năm 2008, ngày 06/11/2008, hàng thừa kế thứ nhất của cụ K gồm ông S, bà H5 và bà T thống nhất lập "Văn bản phân chia di sản thừa kế" có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã B, huyện G thỏa thuận chia 11.482m^2 đất nêu trên cho các người con của cụ K gồm bà Huỳnh Thị H5 345,6m^2; ông Huỳnh Văn S 6.925,5m^2; bà Huỳnh Thị T 4.210,9m. Trên cơ sở văn bản phân chia này, Ủy ban nhân dân Thị

xã G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà H5, bà T. Trước đây gia đình anh H có phản đối nhưng không phản đối quyết liệt việc lập văn bản thỏa thuận phân chia 11.482m^2 đất nêu trên và việc Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người này là vì nhận thức pháp luật hạn chế, không hiểu rõ quy định về quyền sở hữu chung của hộ gia đình. Do thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ K và bị người cô là bà T áp đặt nên cứ nghị rằng 11.482m^2 đất này là di sản của cụ Huỳnh Thị K chết để lại. Nếu biết tất cả thành viên trong hộ gia đình đều có quyền sử dụng đất thì đã phát sinh tranh chấp từ năm 2008 khi ông S, bà H5 và bà T phân chia tài sản.

Anh H đại diện cho các thành viên trong hộ (trừ cụ K) và chị Huỳnh Thị Ngọc T5 thống nhất giao phần tài sản chung cho ông H quản lý (chưa chia). Đối với phần tài sản của cụ K trong khối tài sản chung, anh H và các thành viên trong hộ thống nhất là thửa 2604 diện tích 275,7m^2 do bà T1 đứng tên và thửa 1493 diện tích 867,4m^2 do bà T đứng tên và đây cũng là di sản thừa kế của cụ K chưa chia. Ông H (đại diện cho các thành viên trong hộ và chị T5) đồng ý tạm giao cho bà T quản lý di sản thửa 1493 diện tích 867,4m^2 , tạm giao thửa 2604 diện tích 275,7m^2 cho bà T1 quản lý (coi như di sản chưa chia), khi nào có người trong hàng thừa kế của cụ K có yêu cầu chia thừa kế thì đem ra chia. Diện tích còn lại 9.685m^2 là tài sản chung của các thành viên còn lại trong hộ (ông S, bà T1, anh H, anh P, anh T2, anh N, anh S2, chị S1, chị C). Ông H là người đại diện thành viên trong hộ đi đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên ông H và thống nhất phân chia sau. Không yêu cầu chia đất nhỏ ra trong vụ án này.

Đối với thửa đất số 28708.71.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 520,9m^2 tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang thì sau khi bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 28/7/2011 bà T đã lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà Võ Thị Hồng L2, nhưng đất này là tài sản chung của hộ gia đình nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và bà L2 vô hiệu vì khi bà L2 vào coi đất thì gia đình anh H đã ngăn cản, bà L2 đã biết tranh chấp nhưng vẫn đi công chứng. Đối với giao dịch này là do lỗi của bà L2, đã tranh chấp nhưng vẫn đi công chứng. Nhưng do bà T đã quá già không có tiền trả cho bà L2, phần thừa kế của bà T trong phần di sản của cụ K cũng ít, nên anh Hiệp đồng ý tự nguyện đứng ra hoàn trả cho bà L2 số tiền 1.500.000.000 đồng (700.000.000đ tiền bà L2 giao cho bà T và 800.000.000đ tiền theo giá trị thị trường) thay cho bà T, sau này anh H sẽ tính toán với bà T. Anh H (cùng những người ủy quyền cho anh H) thống nhất để ra một lối đi và lối đi này sử dụng chung chiều ngang 02m, chiều dài 32,1m thuộc thửa đất số 28708.71.2605, tờ bản đồ M1 để đi vào thửa 1493.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh

P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên do ông H đại diện. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do anh H đại diện là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thị Lệ C và chị Huỳnh Thị Ngọc T5 như đã nêu trên.

Ông Nguyễn Văn H6 đại diện theo ủy quyền của anh H trình bày: Thống nhất như ý kiến của anh H.

Bà Võ Thị Hồng L2 trình bày: Thống nhất vị trí, ranh giới, số liệu đo đạc và giá trị tài sản tranh chấp theo kết quả Tòa án cấp sơ thẩm thu thập là chính xác và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo tài liệu chứng cứ này, không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Việc mua đất của bà L2 là hợp pháp, ngay tình. Thừa nhận vào năm 2012, khi mua đất của bà T thì bà L2 có xuống coi và đo đất thì các thành viên trong hộ gia đình anh H không đồng ý cho đo đất dẫn đến không đo đạc được. Khi đó, bà L2 có yêu cầu gia đình anh H trả lại cho bà L2 số tiền 700.000.000đ bà L2 đã trả cho bà T thì bà L2 không mua đất nữa, nhưng phía gia đình anh H không đồng ý. Đến nay, bà L2 vẫn chưa nhận đất. Nay bà L2 vẫn yêu cầu được nhận đất theo hợp đồng chuyển nhượng với bà T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với bà L2 vô hiệu thì bà L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu trong vụ án này mà sẽ tự giải quyết với bà T hoặc tranh chấp trong vụ án khác nếu cần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người kháng cáo không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự và của Kiểm sát viên tham gia

phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã được đương sự thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm, có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt hoặc đã có văn bản uỷ quyền cho người khác có mặt tham gia phiên toà, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thừa nhận:

[2.1.1] Cụ Huỳnh Thị K và cụ Huỳnh Văn Đ1 là vợ chồng. Cụ K chết ngày 10/3/2008, cụ Đ1 chết năm 1950. Hai cụ có 03 người con chung gồm:

Bà Huỳnh Thị H5, chết năm 2009, có con là Đinh Văn H2 (Lưỡng), Đinh Thị L1 và Đinh Thị Thanh H3.

Ông Huỳnh Văn S, chết năm 2016, có vợ là bà Võ Thị T1, các con là Huỳnh Hùng Minh H, Huỳnh Thùy S1, Huỳnh Hùng Minh P, Huỳnh Hùng Minh N, Huỳnh Hùng Minh T2, Huỳnh Hùng Minh S2, Huỳnh Thùy Lệ C1, Huỳnh Thùy Ngọc T3.

Bà Huỳnh Thị T.

[2.1.2] Về tài sản tranh chấp:

Lúc còn sống, vợ chồng cụ K có tạo lập được 11.482m^2 đất gồm các thửa 1481, 1484, 1989, 1993, 1495 và 1528, tờ bản đồ M1, tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang. Cụ K là người kê khai theo sổ mục kê 299 các thửa đất nêu trên. Sau đó đất được đưa vào tập đoàn thì khoảng năm 1988 khi rã tập đoàn thì Nhà nước trả lại và được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 604054 ngày 07/7/1997 ghi người được cấp đất là hộ bà Huỳnh Thị K.

Sau đó các thửa đất nêu trên được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người sau (có 02 Bản Trích đo địa chính khu đất tranh chấp ngày 13/7/2020 và ngày 10/8/2020):

- Thửa 28708.71.2601 diện tích 388,5m^2, được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 037764 ngày 19/11/2008 cho ông Huỳnh Văn S. Đo thực tế là 320,5m^2. Trên thửa 28708.M1.2601 có một căn nhà do anh H xây dựng).

- Thửa 28708.M1.2602 diện tích 4.114m^2; được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 037765 ngày 19/11/2008 cho ông Huỳnh Văn S. Đo thực tế là 3,822,5m^2.

- Thửa 28708.M1.2603 diện tích 3,822,5m^2, được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 037766 ngày 19/11/2008 cho ông Huỳnh Văn S. Đo thực tế là 2.423m^2.

- Thửa 28708.M1.2605 diện tích 697,9m^2, được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 037768 ngày 19/11/2008 cho bà Huỳnh Thị T. Ngày 31/12/2008, nhà nước tiến hành giải tỏa 177m^2 đất ao để nâng cấp quốc lộ E, nên diện tích còn lại của thửa 28708.M1.2605 là 520,9m^2.

- Thửa 28708.M1.2606 diện tích 200m^2 , được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 037769 ngày 19/11/2008 cho bà Huỳnh Thị T. Đo thực tế diện tích còn 175,1m^2;

- Thửa 28708.M1.2607 diện tích 2.423m^2, được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 037771 ngày 19/11/2008 cho bà Huỳnh Thị T. Đo thực tế diện tích 2.423m^2.

- Thửa 28708.M1.1493 diện tích 890m^2 được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 037770 ngày 19/11/2008 cho bà Huỳnh Thị T. Đo thực tế diện tích 867,4m^2.

- Thửa 28708.71.2604, diện tích 345,6m^2, được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 037767 ngày 19/11/2008 cho bà Huỳnh Thị H5. Bị Nhà nước thu hồi làm đường 69,9m, còn 275,7m^2. Sau đó bà H5 sang tên cho bà Võ Thị T1. Bà T1 được UBND thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 728345 ngày 19/5/2009. Đo thực tế diện tích 275,7m^2.

Như vậy, diện tích đất hộ cụ K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 11.482m^2, trừ đi diện tích đất bị thu hồi và việc đo đạc trước đây không chính xác thì các thửa đất này theo đo đạc thực tế còn 10.828,1m^2.

Các đương sự thống nhất vị trí, ranh giới, số liệu đo đạc và giá trị tài sản tranh chấp theo Tòa án cấp sơ thẩm thu thập là chính xác và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo các tài liệu chứng cứ này. Không đương sự nào yêu cầu đo đạc, định giá lại.

[2.2] Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.2.1] Tại Công văn số 250/UBND ngày 06/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang thể hiện: Năm 1984 các thửa đất trên được Nhà nước vận động đưa vào tập đoàn sản xuất theo chủ trương chung, đến khoảng năm 1988 thì tập đoàn giải thể, trả đất lại cho gia đình cụ Huỳnh Thị K tiếp tục quản lý, sử dụng. Năm 1997, hộ cụ K đăng ký kê khai xin cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00167/QSDĐ ngày 07/9/1997, đối tượng được cấp là hộ gia đình cụ K.

Căn cứ vào lời thừa nhận của các đương sự và xác nhận của Công an địa phương thì tại thời điểm Nhà nước trả đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ cụ Huỳnh Thị K có 11 thành viên đang cư ngụ, trực tiếp canh tác trên đất gồm: Cụ Huỳnh Thị K (chủ hộ); ông Huỳnh Văn S (con ruột cụ K), bà Võ Thị T1 (vợ ông S); anh Huỳnh Hùng Minh H, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy S1, chị Huỳnh Thị Lệ C và chị Huỳnh Thùy Ngọc T3 (là các con của ông S, bà T1). Tuy nhiên, chỉ có 10 thành viên đủ 18 tuổi trở lên, còn chị Huỳnh Thùy Ngọc T3, sinh năm 1980 chưa đủ 18 tuổi và không có yêu cầu khởi kiện xin chia tài sản chung của hộ (bl 674).

Như vậy, khu đất 11.482m^2 (đo đạc thực tế còn 10.828,1m^2) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00167/QSDĐ ngày 07/9/1997 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ cụ Huỳnh Thị K được xác định là tài sản chung của hộ gia đình gồm 10 thành viên như đã nêu trên.

[2.2.2] Ngày 10/3/2008, cụ Huỳnh Thị K chết. Sau khi cụ K chết, bà Huỳnh Thị T đưa ra Tờ di chúc đề ngày 28/11/2007 có nội dung chia 11.482m^2 đất cho các người con của cụ K. Di chúc có 05 người làm chứng gồm bà Võ Thị Hồng L2 (là người mua đất trong vụ án này), Nguyễn Thị M, Võ Thị Đ, Đinh Thị N1, Nguyễn Thị Kim E. Di chúc này không được công chứng, chứng thực và không được bà H5, ông S (cha của ông H) thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có lấy lời khai của người làm chứng là bà Võ Thị Hồng L2, nhưng bà L2 trình bày có ký tên vào tờ di chúc nhưng do thời gian quá lâu nên bà không nhớ nội dung (bl 678). Kết quả xác minh 04 người có tên còn lại trong tờ di chúc thì họ không có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (b1 673), các đương sự đều khai không biết những người làm chứng này là ai, sinh sống ở đâu nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai được. Sau đó, những người thừa kế của cụ K không thực hiện theo di chúc ngày 28/11/2007. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ K, không yêu cầu Tòa án công nhận tính hợp pháp hoặc không hợp pháp của tờ di chúc này, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, giải quyết là có căn cứ.

[2.2.3] Ngày 06/11/2008, hàng thừa kế thứ nhất của cụ K gồm ông S, bà H5 và bà T thống nhất lập "Văn bản phân chia di sản thừa kế" được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G chứng thực có nội dung thỏa thuận chia 11.482m^2 đất nêu trên cho 03 người con của cụ K gồm:

- Chia cho bà Huỳnh Thị H5 345,6m^2;

- Chia cho ông Huỳnh Văn S 6.925,5m^2;

- Chia cho bà Huỳnh Thị T 4.210,9m".

Trên cơ sở văn bản phân chia này, Ủy ban nhân dân thị xã G đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, bà H5, bà T như sau:

* Ông Huỳnh Văn S được cấp:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08010V-BĐ ngày 19 tháng 11 năm 2008 đối với thửa 28708.71.2603, tờ bản đồ M1, diện tích 2.423m" đất trồng lúa.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08009V-BĐ ngày 19 tháng 11 năm 2008 đối với thửa 28708.M1.2602, tờ bản đồ M1, diện tích 4x14m" đất trồng cây lâu năm.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08008V-BĐ ngày 19 tháng 11 năm 2008 đối với thửa 28708.71.2601, tờ bản đồ M1, diện tích 388,5m^2 đất nuôi trồng thủy sản.

Ngày 31/12/2008, nhà nước tiến hành giải tỏa 68m^2 đất ao để nâng cấp quốc lộ E, nên diện tích còn lại của thửa 28708.M1.2601 là 320,5m^2.

* Bà Huỳnh Thị T được cấp:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số HO8015V-BĐ ngày 19 tháng 11 năm 2008 đối với thửa 28708.71.2607, tờ bản đồ M1, diện tích 2.423m^2 đất trồng lúa.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08012V-BĐ ngày 19 tháng 11 năm 2008 đối với thửa 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 697,9m^2 đất nuôi trồng thủy sản.

Ngày 31/12/2008, nhà nước tiến hành giải tỏa 177m^2 đất ao để nâng cấp quốc lộ E, nên diện tích còn lại của thửa 28708.M1.2605 là 520,9m^2.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08014V-BĐ ngày 19 tháng 11 năm 2008 đối với thửa 28708.M1.1493, tờ bản đồ M1, diện tích 890m^2 (trong đó đất ở nông thôn 300m^2, đất trồng cây lâu năm 590m^2).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08013V-BĐ ngày 19 tháng 11 năm 2008 đối với thửa 28708.71.2606, tờ bản đồ M1, diện tích 200m^2 đất trồng cây lâu năm. Đo thực tế còn 175,1m^2.

* Bà Huỳnh Thị H5 được cấp:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08011V-BĐ ngày 19 tháng 11 năm 2008 đối với thửa 28708.M1.2604, tờ bản đồ M1, diện tích 345,6m^2.

Ngày 31/12/2008, nhà nước tiến hành giải tỏa 69,9m để nâng cấp quốc lộ E, nên diện tích còn lại của thửa 28708.M1.2604 là 275,7m^2. Ngày 03/4/2009, bà Huỳnh Thị H5 lập hợp đồng chuyển nhượng lại 275,7m^2 đất cho bà Võ Thị T1 (bl 98,99).

- Ngày 19/5/2009, bà Võ Thị T1 được Ủy ban nhân dân Thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 28708.71.2604, tờ bản đồ M1, diện tích 275,7m^2.

[2.2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H trình bày trước đây có phản đối nhưng không phản đối quyết liệt việc lập văn bản thỏa thuận phân chia 11.482m^2 đất nêu trên và việc Ủy ban nhân dân thị xã G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những người này là vì nhận thức pháp luật hạn chế, không hiểu rõ quy định về quyền sở hữu chung của hộ gia đình. Do thấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ K và bị người cô là bà T áp đặt nên cứ nghị rằng 11.482m^2 đất này là di sản của cụ Huỳnh Thị K chết để lại. Nếu biết tất cả thành viên trong hộ gia đình đều có quyền sử dụng đất thì đã phát sinh tranh chấp từ năm 2008 khi ông S, bà H5 và bà T phân chia tài sản. Khai nhận này của ông H là phù hợp với thực tế khách quan vì vào năm 2012, sau khi được tư vấn pháp luật, các thành viên trong hộ mới biết đất cấp cho hộ thì những người này đều có quyền lợi ngang nhau trong việc sử dụng, định đoạt, nên các thành viên trong hộ gia đình cụ K đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của hộ gia đình. Cụ thể: Anh H yêu cầu được chia 11.48,2m^2 cho các các thành viên trong hộ (trừ chị T3) yêu cầu được chia mỗi người 691,58m^2 trong phần đất của bà T đứng tên đang tranh chấp.

[2.2.5] Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị Hồng L2 thừa nhận: Vào năm 2012 khi mua đất của bà T thì bà L2 có xuống coi và đo đất, gặp các thành viên trong hộ gia đình anh H và phát sinh tranh chấp do những người này không đồng ý cho đo đất dẫn đến không đo đạc được. Khi đó bà L2 có yêu cầu gia đình anh H trả lại cho bà L2 số tiền bà L2 đã trả cho bà T thì bà L2 không mua đất nữa, nhưng phía gia đình anh H không đồng ý. Nay bà L2 vẫn yêu cầu được nhận đất theo hợp đồng chuyển nhượng với bà T. Như vậy, khai nhận của bà L2 cũng phù hợp với khai nhận nêu trên của anh H, nên có cơ sở xác định những thành viên trong hộ cụ K không từ bỏ quyền định đoạt đối với phần đất tranh chấp. Bà L2 không tìm hiểu kỹ thông tin về đất chuyển nhượng và ngay khi giao dịch chuyển nhượng đã phát sinh tranh chấp thì bà L2 vẫn tiếp tục nhận chuyển nhượng. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L2 với bà T bị vô hiệu ngay từ ban đầu. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất của hộ đã chuyển thành quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của cá nhân cụ K và công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này là không có căn cứ.

[2.2.6] Xét việc ông S, bà H5 và bà T tự thỏa thuận phân chia toàn bộ quyền sử dụng đất tranh chấp: Phần đất tranh chấp là đất của tập đoàn được cấp trả lại cho hộ là tài sản chung của hộ gia đình cụ K gồm 10 thành viên nêu tại mục [2.2.1], các thành viên trong hộ gia đình có quyền sử dụng đất ngang nhau, nên cụ K chỉ được sở hữu 1/10 tài sản. Tuy nhiên, ông S, bà H5 và bà T tự thỏa thuận phân chia toàn bộ quyền sử dụng đất tranh chấp và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của các thành viên còn lại trong hộ gia đình. Do đó, yêu cầu hủy "Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế" số 425, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 06/11/2008 giữa bà Huỳnh Thị H5, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn S, được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang chứng thực và hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho bà Huỳnh Thị T, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08013V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.71.2606, tờ bản đồ M1, diện tích 200m^2 tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08014V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.1493, tờ bản đồ M1, diện tích 890m^2 tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08012V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 697,9m^2 tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08015V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.2607, tờ bản đồ M1, diện tích 2423m^2 tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang, và chia tài sản chung của hộ gia đình đối với phần đất trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.2.7] Các đương sự thống nhất kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm, theo đó phần đất tranh chấp hiện nay có tổng diện tích 10.828,1m^2 theo 02 Bản Trích đo địa chính khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã G thực hiện ngày 13/7/2020 và ngày 10/8/2020 gồm:

- Thửa 28708.71.2601 diện tích 320,5m^2; Thửa 28708.M1.2602 diện tích 3822,5m^2; Thửa 28708.M1.2603, diện tích 2423m^2. Các thửa đất này ông Huỳnh Văn S đứng tên chủ sử dụng. Ông S chết, vợ và các con ông S quản lý, sử dụng. Trên thửa 28708.M1.2601 có một căn nhà do anh H xây dựng.

- Thửa 28708.71.2604, diện tích 275,7m^2 do bà Võ Thị T1 đứng tên chủ sử dụng và quản lý, sử dụng.

- Thửa 28708.M1.2605 diện tích 520,9m^2; Thửa 28708.M1.2606 diện tích 175,1m^2; Thửa 28708.M1.2607 diện tích 2423m^2; Thửa 28708.M1.1493 diện tích 867,4m^2. Các thửa đất này do bà Huỳnh Thị T đứng tên chủ sử dụng và quản lý, sử dụng. Trên thửa đất 28708.M1.1493 có một căn nhà do bà T xây dựng.

Toàn bộ khu đất nêu trên được chia cho 10 người gồm cụ Huỳnh Thị K (chủ hộ), ông Huỳnh Văn S (con ruột), bà Võ Thị T1 (vợ ông S), anh Huỳnh Hùng Minh H, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy S1, chị Huỳnh Thị Lệ C, mỗi người được hưởng 1.082,81m^2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H đại diện cho các thành viên trong hộ (trừ cụ K) và chị Huỳnh Thị Ngọc T5 có ý kiến thống nhất giao phần tài sản chung cho anh H quản lý (chưa chia). Còn đối với phần tài sản của cụ K trong khối tài sản chung này được 1.082,1m^2 đất thì anh H (cũng là đại diện của người kháng cáo và chị Huỳnh Thị Ngọc T5) đồng ý xác định thửa 2604 và thửa 1493 là phần tài sản của cụ K trong khối tài sản chung nêu trên. Thực tế đo đạc thửa 2604 diện tích 275,7m^2; thửa 1493 diện tích 867,4m^2, cộng hai thửa này bằng 1.143,1m^2. Ông H (đồng thời đại diện cho bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy S1, chị Huỳnh Thị Lệ C, chị Huỳnh Thị Ngọc T5) đồng ý xác định 2 thửa này là di sản thừa kế của cụ K. Thửa 2604 diện tích 275,7m^2 do bà T1 đứng tên; thửa 1493 diện tích 867,4m^2 do bà T đứng tên, đồng ý tạm giao cho bà T quản lý di sản thửa 1493, tạm giao cho bà T1 quản lý thửa 2604 diện tích (coi như di sản chưa chia), khi nào có người trong hàng thừa kế của cụ K có yêu cầu chia thừa kế thì đem ra chia. Diện tích còn lại 9.685m^2 thuộc các thửa 2601, 2602, 2603, 2605, 2606 là tài sản chung của các thành viên còn lại trong hộ gia đình. Anh H là người đại diện thành viên trong hộ đi đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên ông H. Anh H (cùng những người ủy quyền cho anh H) thống nhất để ra một lối đi và lối đi này sử dụng chung cho gia đình anh H và bà T, chiều ngang 02m, chiều dài 32,1m thuộc thửa đất số 2605, tờ bản đồ M1, vị trí hường bên phải khu đất nhìn từ đường vào để đi từ Quốc lộ E đi vào thửa 1493. Xét thấy, ý kiến của các đương sự kháng cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.8] Xét ý kiến tự nguyện của anh Huỳnh Hùng Minh H đối với việc trả tiền cho bà L2: Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngày 28/7/2011, bà T đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28708.71.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 520,9m^2 tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang cho bà Võ Thị Hồng L2. Tuy nhiên, như phân tích từ mục [2.2.1] đến [2.2.6] thì diện tích đất chuyển nhượng này là tài sản chung của hộ gia đình cụ K. Bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật nên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T và bà L2 nêu trên cũng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích pháp luật, nhưng không có bên nào yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng xét xử không xem xét quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Tại phiên tòa phúc thẩm,

anh H xác định bà T đã quá già không có điều kiện trả lại tiền cho bà L2, kỷ phần thừa kế của bà T được hưởng trong khối di sản của cụ K cũng không đáng kể, nên trong trường hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà T với bà L2 vô hiệu thì anh Hiệp đồng ý đứng ra hoàn trả cho bà L2 số tiền 1.500.000.000 đồng (700.000.000đ tiền bà L2 giao cho bà T và 800.000.000đ tiền theo giá trị thị trường) thay cho bà T. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bà L2 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Huỳnh Hùng Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng như đã nhận định ở phần trên.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị T là người cao tuổi nên được miễn.

Anh Huỳnh Hùng Minh H, ông Huỳnh Văn S (nay là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh H, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy Lệ C1, chị Huỳnh Thùy Ngọc T3 kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng), bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C, bà Huỳnh Thị T không phải chịu.

[3.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là anh Huỳnh Hùng Minh H, bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C, không phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 116, 118, 176, 229, 231, 238 Bộ luật Dân sự năm 1995; Điều 128 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án năm 2009; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Huỳnh Hùng Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Hùng Minh H.

2.1. Tuyên bố "Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế" số 425, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 06/11/2008 giữa bà Huỳnh Thị H5, bà Huỳnh Thị T, ông Huỳnh Văn S, được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang chứng thực vô hiệu.

2.2. Hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp cho bà Huỳnh Thị T, gồm:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08013V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.71.2606, tờ bản đồ M1, diện tích 200m" tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08014V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.1493, tờ bản đồ M1, diện tích 890m tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08012V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 697,9m" tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H08015V-BĐ ngày 19/11/2008 đối với thửa đất số 28708.M1.2607, tờ bản đồ M1, diện tích 2423m" tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2.3. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 357, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐND ngày 28/7/2011 được ký giữa bà Huỳnh Thị T và bà Võ Thị Hồng L2 đối với thửa đất số 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 520,9m" tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang vô hiệu.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Hùng Minh H về việc hoàn trả cho bà Võ Thị Hồng L2 số tiền 1.500.000.000 đồng tiền thay cho bà Huỳnh Thị

T do hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 357, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐND ngày 28/7/2011 được ký giữa bà Huỳnh Thị T và bà Võ Thị Hồng L2 đối với thửa đất số 28708.M1.2605, tờ bản đồ M1, diện tích 520,9m" bị tuyên vô hiệu.

4. Xác định quyền sử dụng đất các thửa 1493, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, tờ bản đồ M1, diện tích còn lại theo đo đạc thực tế 10.828,1m^2, tọa lạc tại xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo 02 Bản Trích đo địa chính khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã G thực hiện ngày 13/7/2020 và ngày 10/8/2020 là tài sản chung của cụ Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Văn S, bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh H, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2 và chị Huỳnh Thị Lệ C.

5. Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Hùng Minh H, ông Huỳnh Văn S (nay là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh H, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy Lệ C1, chị Huỳnh Thùy Ngọc T3 kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng), bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C về việc chia tài sản chung đối với diện tích đất theo đo đạc thực tế là 10.828,1m^2 nêu trên cho các đồng sở hữu tài sản chung.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Huỳnh Hùng Minh H, bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thị Lệ C, chị Huỳnh Thị Ngọc T5 (do anh anh Huỳnh Hùng Minh H đại diện theo ủy quyền) như sau:

6.1. Công nhận 1.143,1m^2 đất thuộc thửa số 1493, tờ bản đồ M1, diện tích 890m và thửa 2604, diện tích 275,7m^2, cùng tọa lạc tại ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang theo Bản Trích đo địa chính khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã G thực hiện ngày 13/7/2020 là di sản của cụ K chưa chia. Tạm giao cho bà Huỳnh Thị T quản lý di sản thửa 1493, tạm giao cho bà Võ Thị T1 quản lý thửa 2604.

6.2. Ghi nhận ý kiến của bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh H, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy S1, chị Huỳnh Thị Lệ C, chị Huỳnh Thị Ngọc T5 xác định phần diện tích còn lại 9.685m^2 thuộc các thửa 2601, 2602, 2603, 2605, 2606, 2607 theo 02 Bản Trích đo địa chính khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã G thực hiện ngày 13/7/2020 và ngày 10/8/2020 là tài sản chung của ông Huỳnh Văn S, bà Võ Thị T1, anh Huỳnh

Hùng Minh H, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy S1, chị Huỳnh Thị Lệ C. Anh Huỳnh Hùng Minh H đại diện quản lý và được đi làm thủ tục đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

7. Ghi nhận ý kiến của bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh H, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy S1, chị Huỳnh Thị Lệ C, chị Huỳnh Thị Ngọc T5 thống nhất để ra một phần đất chiều ngang 02m, chiều dài 32,1m (các điểm ABCD), thuộc thửa đất số 2605, tờ bản đồ M1, vị trí hường bên phải khu đất nhìn từ Quốc lộ E vào để sử dụng làm lối đi chung từ Quốc lộ E đến thửa 1493, tờ bản đồ M1 theo Bản Trích đo địa chính khu đất tranh chấp do Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã G thực hiện ngày 13/7/2020.

8. Anh Huỳnh Hùng Minh H, bà Huỳnh Thị T, bà Võ Thị T1 và các đương sự khác trong vụ án có quyền và nghĩa vụ tới các cơ quan có thẩm quyền tiến hành các thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản chung, tài sản được thừa kế chung đối với diện tích đất 1.143,1m^2 và diện tích đất 9.685m^2 nêu trên cho phù hợp với quyết định của bản án.

9. Kể từ ngày bà Võ Thị Hồng L2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Hùng Minh H chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật.

10. Về án phí:

9.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị T được miễn.

Anh Huỳnh Hùng Minh H, ông Huỳnh Văn S (nay là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh H, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy Lệ C1, chị Huỳnh Thùy Ngọc T3 kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng), bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C không phải chịu.

Hoàn trả anh Huỳnh Hùng Minh H số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 000423 ngày 08/6/2012 và số 0001464 ngày 09/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả ông Huỳnh Văn S (nay là bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh H, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh P, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh S2, chị Huỳnh Thùy Lệ C1, chị Huỳnh Thùy Ngọc T3 kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng) số tiền 200.000 đồng

tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000579 ngày 01/8/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả chị Huỳnh Thùy Lệ C1 số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000580 ngày 01/8/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả anh Huỳnh Hùng Minh N số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000581 ngày 01/8/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả anh Huỳnh Hùng Minh T2 số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000582 ngày 01/8/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả bà Võ Thị T1 số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000583 ngày 01/8/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả anh Huỳnh Hùng Minh P số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000584 ngày 01/8/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả chị Huỳnh Thùy S1 số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000585 ngày 01/8/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

Hoàn trả anh Huỳnh Hùng Minh S2 số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000586 ngày 01/8/2013 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

9.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Huỳnh Hùng Minh H, bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C, không phải chịu. Hoàn trả cho anh Huỳnh Hùng Minh H, bà Võ Thị T1, anh Huỳnh Hùng Minh P, chị Huỳnh Thùy S1, anh Huỳnh Hùng Minh T2, anh Huỳnh Hùng Minh N, anh Huỳnh Hùng Minh S2, và chị Huỳnh Thị Lệ C mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000031, 0000037, 0000036, 0000035, 0000032, 0000034, 0000033 và 0000030 cùng ngày 22/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang.

10. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung.

11. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tiền Giang; (1)
- VKSND tỉnh Tiền Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang; (1)
- Nguyên đơn; (1)
- Bị đơn; (1)
- NCQLNVLQ (16)
- Lưu VT (5), HS (2) (BA- PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Ngọc Huynh